

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/12/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+GTC1+RP2	7:25	20+2+0	0+0+0		19+1+0	0+0+0	chuyen 2 gtc1-rp2
2		CNV+MRM+CTK3	7:25	6+6+10	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
3		TD5+BK4+BK3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
4		BK9+BK14+BK16+RC3	7:25	5+11+2+0	0+0+0+0		6+6+0+3	0+0+0+0	
5		TD3+TD5+RP3	9:25	18+4+0	0+0+0		11+7+3	0+0+0	
6		VSP02+CTC1+RC4	9:25	22+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	chuyen 1 ctc1-rc4
7		TD5+P7+P10	9:25	11+10+0	0+0+0		2+0+20	0+0+0	
8		CTK3+BK14+BK20	11:25	20+0+0	0+0+0		11+5+3	0+0+0	chuyen 1 ctk3-bk14

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/đi về trong ngày BK14-3 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2020	TO: VSP02 - GTC1 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - Linh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOAI	VSP02	81	1	9	50	72	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN HONG KHANH	VSP02	91	1	4		88	PVD TECH	Vietnamese
3	LE ĐANG DUONG	VSP02	92	1	9		65	PVD TECH	Vietnamese
4	LE HOANG MINH	VSP02	88-89	2	14		81	PVD TECH	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG KIEN	VSP02	87	1	6		64	PVD TECH	Vietnamese
6	PHAM THAI TUYEN	VSP02	90	1	5		68	PVD TECH	Vietnamese
7	TRAN LE ANH HUY	VSP02	85	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THANH KHIET	VSP02	86	1	8		68	DNV-GL	Vietnamese
9	LE CONG HOAN	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
10	HA MANH THANG	VSP02	69	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
11	POKLONSKIY A	VSP02	70	1	2		81	KH-THAC	Russian
12	TRAN XUAN KINH	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC THACH	VSP02	96	1	9	12	57	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN LE HOI	VSP02	84	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THAI SON	VSP02	68	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CHIEN THANG	VSP02	83	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
17	CAO VAN KHA KHA	VSP02	82	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH THAO	VSP02					82	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG TRUNG VIET	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
21	DO VAN THANH	GTC1	28	1	5	40	85	CODIEN	Vietnamese
22	MAI XUAN TUONG	GTC1	29	1	5	91	61	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	20	16	100	1.388	62	19		CHUYEN 2 PAX TU GTC1 SANG RP2
2	GTC1	2	2	10	146	131	42		
3	RP2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	18	110	1.534	193	20		
WEIGHT KG				110	1.534	193			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CNV - MRM - CTK3	CREW: Nam - XTrưởng - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

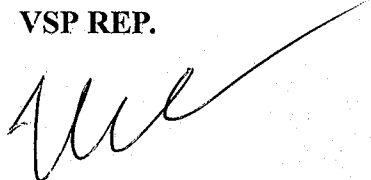
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	50	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	47	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HẠO	CNV	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	46	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	49	1	5	39	85	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN HÙNG	CNV	48	1	7		65	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THOM	MRM	500	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
8	TÀ THANH BÌNH	MRM	98	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN DAI	MRM	99	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	LAM VĂN NHAN	MRM	66	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
11	BUI MẠNH PHÚC	MRM	09	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN HUU BAO	CTK3	48	1	7		89	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3				27	75	YTE	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC BÌNH	CTK3	55	1	4		61	D-HANH	Vietnamese
15	BUI THẾ DIỄN	CTK3	53	1	10	20	67	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ MINH GIANG	CTK3	57	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI KHẮC PHONG	CTK3	54	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN QUANG TUẤN	CTK3	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG HÀ	CTK3	47	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	49	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TUÔNG	CTK3	52	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	50-51	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

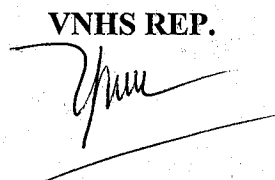
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	6	29	409	79	6		
2	MRM	5	5	31	339	0	4		
3	CTK3	11	11	60	772	47	12		
TOTAL		22	22	120	1.520	126	22		
WEIGHT KG				120	1.520	126			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

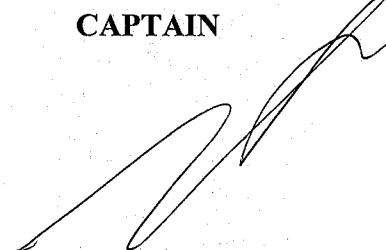
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD5 - BK4 - BK3	CREW: VThắng - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5	194	1	5	22	80	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	96	1	7		68	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD5	94	1	10		63	DVL	Vietnamese
4	ĐỖ THANH HAI	TD5	90	1	10		68	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	99	1	7	41	67	DVL	Vietnamese
6	TANG TIEN TOAN	TD5	193	1	9	35	80	DVL	Vietnamese
7	ĐINH VĂN HOAI	TD5	89	1	3		63	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI HOAN	TD5	81	1	3		66	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN LUONG SON	TD5	97-98	2	10		70	PSV	Vietnamese
10	GONCHAROV S.A	TD5	83	1	9		93	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	194	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỜI	TD5	82	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	84	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	88	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TRÌNH-PVD	TD5	93	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ XUÂN ANH*PK-PVDO	TD5	85	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	87	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠO THANH SƠN	TD5	86	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VINH DUY	TD5	91-91	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
20	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	38	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD5	37	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
22	BELIAEV	TD5	95	1	9		83	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	144	1.587	98	13		
2	BK4	0	0	0	0	50	2		
3	BK3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	23	144	1.587	148	22		
WEIGHT KG				144	1.587	148			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: BK9 - BK14 - BK16 - RC3	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:50
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC CUỒNG	BK9	64	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM CUỒNG	BK9	68	1	3	40	60	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	65	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN BÌNH	BK9	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	67	1	8		65	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC DŨNG	BK14	02	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
7	NOVIKOV	BK14	52	1	3		95	D-HANH	Russian
8	KRAPIVKA	BK14	03	1	3		84	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK14	89	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH LIÊM	BK14	71	1	8	25	68	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14	72	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC CHÍNH	BK14	51	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK14	400	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
15	BOGDANOV E. V	BK14	01	1	4		72	KH-THAC	Russian
16	PHAN TIẾN CƯỜNG	BK14	53	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	LÂM NHẬT MINH	BK16	29	1	14	115	62	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC TIẾN	BK16	30	1	10		110	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	5	5	33	345	40	6		THAO 01 GHE DOI DE CHO HANG
2	BK14	11	11	56	803	25	6		
3	BK16	2	2	24	172	115	0		
4	RC3	0	0	0	0	5	3		
TOTAL		18	18	113	1.320	185	15		
WEIGHT KG				113	1.320	185			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2020	TO: TD3 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - Linh - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOEV M.M	TD3	89	1	11		92	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NAM CUONG	TD3	94	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN THUONG	TD3	95	1	4	60	71	KHOAN	Vietnamese
4	VO VAN DUNG	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG MINH TOAN	TD3	91	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH AI HUU	TD3	92	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
7	KHUAT QUANG KIEN	TD3	96	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
8	LAI THE DAT	TD3	89	1	7		93	KHOAN	Vietnamese
9	NG MINH HAI*PK-PVD	TD3	97	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
10	DANG DINH PHUC	TD3	90	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
11	VU LONG PHI	TD3	90	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
12	LE MANH THANG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THE DU	TD3	95	1	11		69	CODIEN	Vietnamese
14	NONG MINH HAI	TD3	94	1	11		75	CODIEN	Vietnamese
15	CAO DAC DAN	TD3	83-84	2	17		69	CODIEN	Vietnamese
16	LE ANH TUAN	TD3	91-93	3	17		70	CODIEN	Vietnamese
17	MAI DINH KHANG	TD3	98-99	2	13		47	CODIEN	Vietnamese
18	LUONG XUAN DUOC	TD3	93	1	2		67	PSV	Vietnamese
19	HO NGOC BEN	TD5	39	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
20	DINH VAN TAM	TD5	42	1	12		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN AN NINH	TD5	40	1	11	40	74	KH-THAC	Vietnamese
22	DO VAN HIEU	TD5	41	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

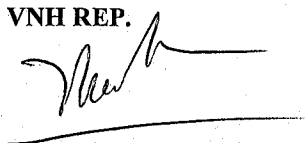
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	18	20	133	1.341	60	11		
2	TD5	4	4	40	283	40	7		
3	RP3	0	0	0	0	60	3		
TOTAL		22	24	173	1.624	160	21		
WEIGHT KG				173	1.624	160			

GRAND TOTAL: 1.957 KGS

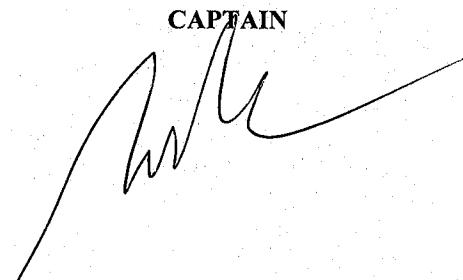
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: VSP02 - CTC1 - RC4	CREW: Nam - XTrưởng - Năm	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	38	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ TÂN LINH	VSP02	53-54	2	17		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	47	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	45	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	37	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	42	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HOAN	VSP02	39	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	40	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	43	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	50	1	8	17	60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	41	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI HUY BÌNH	VSP02					83	KH-THAC	Vietnamese
14	LŨ SƠN	VSP02	51	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ VĂN HUNG	VSP02	57	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VU HAI ĐĂNG	VSP02	48	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	KORNILOV	VSP02	56	1	15		85	ANTOAN	Russian
18	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	VSP02	49	1	5		95	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	55	1	2		59	PSV	Vietnamese
20	HÀN VĂN HIẾU	VSP02	52	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	44	1	3		67	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN CHÍ	VSP02	46	1	2		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	21	110	1.517	17	20		CHUYỂN 1 PAX TỪ CTC1 SANG RC4
2	CTC1	0	0	0	0	15	14		
3	RC4	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	21	110	1.517	72	22		
WEIGHT KG				110	1.517	72			

GRAND TOTAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: TD5 - P7 - P10	CREW: VThắng - Mạnh - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NAM	TD5	06	1	8	59	48	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ VĂN ANH	TD5				40	72	PSV	Vietnamese
3	NGO VĂN THANH	TD5	18-19	2	15		65	PSV	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	16	1	5		71	PSV	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH HỘI	TD5	15	1	5		85	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	14	1	3		67	PSV	Vietnamese
7	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	17	1	2		60	PSV	Vietnamese
8	ĐO TRỌNG HIẾN	TD5	04-05	2	10		69	DVL	Vietnamese
9	LÊ VĂN THẮNG	TD5	03	1	12		70	DVL	Vietnamese
10	VŨ CHÍ THANH	TD5	07-08	2	12		76	DVL	Vietnamese
11	PHẠM VĂN SANG	TD5	02	1	12		70	DVL	Vietnamese
12	HỒ MINH TRINH	TD5	500	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	P7	19	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LUẬN	P7	22	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG TIẾN	P7	18	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH TÙNG	P7	23	1	14		98	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THẾ QUANG	P7	20	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
18	LẠI ANH TUẤN	P7	25-26	2	17		100	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG NHIÊN	P7	24	1	12		53	KH-THAC	Vietnamese
20	N.K.THÀNH CHUNG	P7	21	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐĂNG TƯỜNG ANH	P7	16	1	4		57	PSV	Vietnamese
22	PHI VĂN TỰ	P7	17	1	8		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	14	92	828	99	2		
2	P7	10	11	110	717	0	0		
3	P10	0	0	0	0	0	20		
TOTAL		22	25	202	1.545	99	22		
WEIGHT KG				202	1.545	99			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: CTK3 - BK14 - BK20	CREW: Khang - HUNG - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	67	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SY LONG	CTK3	70	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG THAI	CTK3	63	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	CTK3	78	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH QUANG	CTK3	75	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	64	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DÂN	CTK3	79-80	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	71	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	72-73	2	10	20	78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN THÀNH	CTK3	66	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	83-84	2	17	13	85	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HAI	CTK3	77	1	14		72	CODIEN	Vietnamese
17	CAO XUÂN DŨNG	CTK3	69	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TOÀN	CTK3	76	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG LỘC	CTK3	68	1	11		65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	21	139	1.381	33	11+	1	CHUYEN 1 PAX CTK3 SANG BK14
2	BK14	0	0	0	0	0	5		
3	BK20	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	21	139	1.381	33	19		
WEIGHT KG				139	1.381	33			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN